HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /2020/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

Người ký: Sở Tư pháp
Email: contact-stp@laocai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Lào Cai
Thời gian ký: 28.12.2020 15:27:31 +07:00

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Trung tâm học tập cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú;

Căn cứ Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường Trung học phổ thông Chuyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung điều 23 và điều 24 quy chế tổ chức và hoạt động trường Trung học phổ thông Chuyên ban hành thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của liên Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 258 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về quy định một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số: 296/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XV, kỳ họp thứ 16, thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính Phủ;
- Bộ Tài Chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

QUY ĐỊNH
Một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM, TỔ CHỨC CÁC KỲ THI PHỔ THÔNG VÀ TẬP HUẤN ĐỘI TUYỂN DỰ THI CÁC KỲ THI HỌC SINH GIỎI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ chi thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm;

2. Tổ chức các kỳ thi phổ thông, gồm:

a) Thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 trung học phổ thông (THPT);

b) Thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh;

c) Thi Tốt nhiệp THPT hoặc THPT Quốc gia;

d) Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia; thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic và khu vực;

đ) Thi tuyển sinh vào THPT, xét tuyển vào các trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện, thị xã;

e) Thi nghề phổ thông.

3. Tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi, gồm:

a) Tập huấn đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia;

b) Tập huấn đội tuyển dự thi và tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan khác tham gia công tác xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và các cuộc thi khác có tính chất chuyên môn theo quy định của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Riêng đối với công tác thanh tra chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm.

2. Các cơ quan, đơn vị, giáo viên, học sinh tham dự tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cấp tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các mức chi trong quy định này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, tập huấn đội tuyển cấp tỉnh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi quốc

gia, tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, in sao đề trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài.

2. Trong trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Điều 4. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức các kỳ thi và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi

1. Soạn thảo câu trắc nghiệm để đưa vào biên tập: 45.000 đồng/câu.

2. Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm: 40.000 đồng/câu.

3. Tổ chức thi thử:

a) Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm: 180.000 người/ ngày;

b) Chi xây dựng đề thi gốc (phản biện và đáp án): 700.000 đồng/đề;

c) Chi xây dựng các mã đề thi: 180.000 đồng/đề.

4. Thuê chuyên gia thẩm định cỡ câu trắc nghiệm: 280.000 đồng/người/ngày (theo phương thức hợp đồng).

5. Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm: 180.000 đồng/người ngày.

Điều 5. Nội dung, mức chi cho công tác ra đề thi

1. Ra đề thi

a) Chi ra đề thi đề xuất đối với đề thi tự luận, đề thi thực hành, đề thi nói để lựa chọn, xây dựng mới đề thi chính thức hoặc dự bị (một đề chính thức bao gồm nhiều phân môn khác nhau, đề thi đề xuất có ít nhất 3 câu):

Nội dung	**Mức chi**
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia	600.000 đồng/đề theo phân môn
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	570.000 đồng/đề theo phân môn
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	400.000 đồng/đề theo phân môn
Thi tuyển sinh vào THPT	300.000 đồng/đề
Thi nghề phổ thông	200.000 đồng/đề

b) Ra đề thi chính thức, đề thi dự bị

Nội dung	**Mức chi**
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thực hành)	500.000 đồng/người/ngày
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thực hành)	350.000 đồng/người/ngày
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thực hành)	300.000 đồng/người/ngày
Thi tuyển sinh vào THPT:	
Thi trắc nghiệm	200.000 đồng/người/ngày
Thi tự luận	350.000 đồng/người/ngày
Thi nghề phổ thông (lý thuyết+thực hành)	300.000 đồng/người/ngày

Mức chi đối với đề thi tự luận, đề thi thực hành, đề thi nói bao gồm các nội dung: Soạn thảo và phản biện đề thi chính thức, đề thi dự bị có kèm hướng dẫn chấm, biểu điểm; dụng cụ, hóa chất và mẫu vật thực hành.

Mức chi đối với đề thi trắc nghiệm bao gồm các nội dung: Xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm: Mục đích kỳ thi, mục tiêu đánh giá, thời gian thi, xây dựng các yêu cầu, kỹ thuật về cấu trúc đề thi, thiết lập ma trận; chỉnh sửa câu trắc nghiệm; duyệt ma trận, duyệt đề; rút các câu trắc nghiệm từ ngân hàng, theo ma trận, hình thành chế bản đề; chi phản biện đề thi.

2. Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng/Ban ra đề thi (sau đây gọi tắt là Hội đồng) và công tác phục vụ tổ chức ra đề thi:

a) Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	250.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	200.000 đồng/người/ngày
Thư ký, bảo vệ vòng trong (bảo vệ 24/24)	160.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	80.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	70.000 đồng/người/ngày

b) Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện; thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	170.000 đồng/người/ngày
Thư ký, bảo vệ vòng trong (bảo vệ 24/24)	140.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	70.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	60.000 đồng/người/ngày

3. Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng và công tác phục vụ tổ chức in sao đề thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	230.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	200.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên, bảo vệ vòng trong (bảo vệ 24/24h)	160.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	190.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	85.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	75.000 đồng/người/ngày

4. Tiền ăn cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng sao in đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài thực hiện bằng chế độ lưu trú theo quy định chế độ công tác phí hiện hành.

Điều 6. Nội dung, mức chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng và công tác phục vụ tổ chức coi thi

1. Thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	210.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	200.000 đồng/người/ngày
Thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	170.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	240.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	170.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	200.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài	80.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	70.000 đồng/người/ngày

2. Thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	190.000 đồng/người/ngày
Thư ký, giám thị	160.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	230.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	160.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	190.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài	75.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	65.000 đồng/người/ngày

3. Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	190.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	180.000 đồng/người/ngày
Thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	150.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	220.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	150.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	180.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài	70.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	60.000 đồng/người/ngày

4. Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	160.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	150.000 đồng/người/ngày
Thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	190.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	150.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ vòng ngoài	60.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	50.000 đồng/người/ngày

Điều 7. Nội dung, mức chi cho công tác chấm thi

1. Chấm bài thi:

a) Chấm bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành:

Nội dung	Mức chi
Thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia	12.000 đồng/bài
Thi tuyển sinh vào THPT	11.000 đồng/bài
Thi nghề phổ thông (thi nghề PT tính cho một học sinh gồm: Bài thi lý thuyết + bài thi thực hành)	10.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia	70.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh	50.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện	40.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	45.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	40.000 đồng/bài

b) Chấm bài thi trắc nghiệm tốt nghiệpTHPT hoặc THPT Quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	280.000 đồng/ngày

2. Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi tự luận, thi nói, thi thực hành:

Nội dung	Mức chi
Thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia	170.000 đồng/người/đợt
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, tuyển sinh vào THPT	160.000 đồng/người/đợt
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện; thi nghề phổ thông	150.000 đồng/người/đợt

3. Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng chấm thi và công tác phục vụ tổ chức chấm thi

a) Thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia:

Nội dung	Mức chi

Chủ tịch Hội đồng	230.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	190.000 đồng/người/ngày
Thư ký, kỹ thuật viên	160.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	230.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	160.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	190.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ tại địa điểm chấm thi	85.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ tại địa điểm chấm thi	75.000 đồng/người/ngày

b) Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	220.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	180.000 đồng/người/ngày
Thư ký, kỹ thuật viên	150.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	220.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	150.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	180.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ tại địa điểm chấm thi	80.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ tại địa điểm chấm thi	70.000 đồng/người/ngày

c) Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện; thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	190.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	150.000 đồng/người/ngày
Thư ký, kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	190.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	150.000 đồng/người/ngày
Bảo vệ tại địa điểm chấm thi	70.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ tại địa điểm chấm thi	60.000 đồng/người/ngày

Điều 8. Nội dung, mức chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng và công tác phục vụ xét duyệt kết quả thi:

1.Thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	220.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	180.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên	150.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	70.000 đồng/người/ngày

2. Thi tuyển sinh THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	160.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên	140.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	60.000 đồng/người/ngày

3. Thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	170.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	140.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên	120.000 đồng/người/ngày
Y tế, phục vụ	50.000 đồng/người/ngày

Điều 9. Nội dung, mức chi phúc khảo, thẩm định bài thi

1. Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng và công tác phúc khảo, thẩm định bài thi:

a) Thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	210.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	170.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên	150.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	210.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	150.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	170.000 đồng/người/ngày
Phục vụ	70.000 đồng/người/ngày

b) Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển cấp tỉnh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	160.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên	140.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	200.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	140.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	160.000 đồng/người/ngày
Phục vụ	60.000 đồng/người/ngày

c) Thi học sinh giỏi cấp huyện, thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	170.000 đồng/người/ngày
Các Phó Chủ tịch	140.000 đồng/người/ngày
Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ngày
Trưởng đoàn thanh tra	170.000 đồng/người/ngày

Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ngày
Thanh tra viên độc lập	140.000 đồng/người/ngày
Phục vụ	50.000 đồng/người/ngày

2. Phụ cấp trách nhiệm cho các cán bộ chấm phúc khảo bài thi:

Nội dung	Mức chi
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	180.000 đồng/người/ngày
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	160.000 đồng/người/ngày
Bài thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia	130.000 đồng/người/ngày
Bài thi tuyển sinh vào THPT	110.000 đồng/người/ngày
Bài thi nghề phổ thông	100.000 đồng/người/ngày

3. Phụ cấp trách nhiệm cho các cán bộ chấm thẩm định bài thi:

Nội dung	Mức chi
Bài thi tốt nghiệp THPT hoặc THPT Quốc gia	130.000 đồng/người/ngày
Bài thi tuyển sinh vào THPT	110.000 đồng/người/ngày
Bài thi nghề phổ thông	100.000 đồng/người/ngày

Điều 10. Nội dung, mức chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng và công tác phục vụ xét tuyển sinh đối với các trường không phải tổ chức thi tuyển

Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT THCS&THPT:

Nội dung	Mức chi
- Chủ tịch Hội đồng	170.000 đồng/người/ngày
- Các Phó Chủ tịch	140.000 đồng/người/ngày
- Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ngày
- Trưởng đoàn thanh tra	170.000 đồng/người/ngày
- Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ngày
- Thanh tra viên độc lập	140.000 đồng/người/ngày
- Phục vụ	50.000 đồng/người/ngày

Điều 11. Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi khác

1. Đối với các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện các cấp học, cuộc thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện, cuộc thi giáo viên tự làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng cấp huyện các cấp học theo quy định, được áp dụng bằng 70% theo các nội dung và mức chi của thi học sinh giỏi cấp huyện tại Quy định này.

2. Đối với các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh các cấp học, cuộc thi giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp học cấp tỉnh, cuộc thi giáo viên tự làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng các cấp học cấp tỉnh, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp tỉnh theo quy định, được áp dụng bằng 70% theo các nội dung và mức chi của thi học sinh giỏi cấp tỉnh tại Quy định này.

Điều 12. Nội dung, mức chi cho công tác tập huấn đội tuyển dự thi và chế độ cho học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi.

1. Tập huấn đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia:

a) Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn và giáo viên dạy đội tuyển: Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 50.000 đồng/ngày.

Phụ cấp cho giáo viên dạy đội tuyển (gồm biên soạn và giảng dạy):

Nội dung	Mức chi
Dạy lý thuyết	150.000 đồng/tiết
Dạy thực hành	200.000 đồng/tiết
Trợ lý thí nghiệm, thực hành	60.000 đồng/tiết

b) Hỗ trợ tiền ăn, vé tàu xe, tiền ngủ cho học sinh đội tuyển trong thời gian tập trung tại lớp tập huấn:

- Tiền ăn: 90.000 đồng/học sinh/ngày.

- Hỗ trợ vé tàu, xe đi lại: Theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ tiền ngủ (trong trường hợp Trường THPT chuyên tỉnh Lào Cai không thể bố trí được chỗ ở cho học sinh): Theo quy định hiện hành.

- Thời gian tổ chức tập huấn: Tối đa không quá 50 ngày/môn và tổng số tiết không quá 250 tiết/môn.

2. Tập huấn đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh:

a) Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn và giáo viên đội tuyển

- Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 40.000 đồng/ngày.

- Phụ cấp cho giáo viên dạy đội tuyển (gồm biên soạn và giảng dạy):

Nội dung	Mức chi
Dạy lý thuyết	100.000 đồng/tiết
Dạy thực hành	150.000 đồng/tiết
Trợ lý thí nghiệm, thực hành	50.000 đồng/tiết

Thời gian tổ chức tập huấn: Tối đa không quá 40 ngày/môn và không quá 4 tiết/ngày đối với trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Riêng đối với Trường Trung học phổ thông chuyên tối đa không quá 50 ngày/môn và không quá 4 tiết/ngày.

b) Hỗ trợ đối với học sinh đội tuyển tham dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh trong thời gian tập trung thi:

- Tiền ăn 90.000 đồng/học sinh/ngày.

- Hỗ trợ vé tàu xe đi lại, tiền ngủ cho học sinh nhà ở xa trong thời gian tập trung thi theo quy định hiện hành.

Điều 13. Các nội dung chi khác cho công tác tổ chức các kỳ thi và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ học sinh giỏi

Các nội dung như: In ấn, phô tô tài liệu; thuê thiết bị, địa điểm, phương tiện, phòng nghỉ; công tác phí; chi văn phòng phẩm, vật tư, nguyên vật liệu; bồi dưỡng gia công lắp ráp thiết bị và các loại bài thi thí nghiệm, thực hành... được thực hiện theo chế độ hiện hành.

Điều 14. Kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh, ngân sách huyện.

Chương II
MỨC PHỤ CẤP, KIÊM NHIỆM CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Điều 15. Đối tượng áp dụng: Phó Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng.

Điều 16. Định suất

Một Trung tâm học tập cộng đồng có không quá 02 phó Giám đốc, trong đó 01 cán bộ quản lý trường THCS hoặc trường tiểu học trên địa bàn; 01 cán bộ Hội khuyến học hoặc công chức văn hóa xã, phường, thị trấn.

Điều 17. Định mức phụ cấp kiêm nhiệm: Hệ số 0,2 x mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.

Điều 18. Thời gian hỗ trợ: Hỗ trợ 12 tháng/năm.

Điều 19. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương.

Chương III
MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN XÓA MÙ CHỮ VÀ CHỐNG TÁI MÙ CHỮ, DUY TRÌ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Điều 20. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Các cơ sở giáo dục, Ban chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục (cấp tỉnh, huyện, xã); cán bộ, giáo viên trực tiếp làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; học viên học lớp xóa mù chữ.

Điều 21. Nội dung và mức chi

1. Chi hỗ trợ hoạt động huy động lớp xóa mù chữ:

a) Chi bằng tiền mặt cho giáo viên đi điều tra, thống kê, huy động số người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 (sau đây gọi chung là học viên) đến lớp xóa mù chữ và hoàn thành chương trình xóa mù chữ: 50.000 đồng/học viên/01 chương trình (chương trình xóa mù chữ gồm 2 chương trình: Chương trình xóa mù chữ lớp 1, lớp 2, lớp 3; chương trình giáo dục tiếp tục sau biết chữ lớp 4, lớp 5. Học viên phải hoàn thành chương trình xóa mù chữ thì giáo viên được hỗ trợ).

b) Chi hỗ trợ bằng tiền mặt cho giáo viên dạy các lớp xóa mù chữ mua văn phòng phẩm (vở soạn giáo án, bút, phấn viết bảng): 50.000 đồng/lớp.

c) Chi mua hồ sơ, ấn phẩm lớp học xóa mù chữ: Học bạ 01 quyển/học viên; sổ điểm, sổ đầu bài, hồ sơ theo dõi, biểu mẫu thống kê 01 bộ/lớp.

2. Chi hỗ trợ hoạt động công tác phổ cập giáo dục:

a) Chi thắp sáng đối với lớp học phổ cập giáo dục ban đêm (theo thực tế thời gian học): 70.000 đồng/lớp/tháng.

b) Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp tỉnh: Tổng chi 200 triệu đồng/năm, gồm: Chi cho công tác phí; xăng xe đi kiểm tra; chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu; sửa chữa tài sản.

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp huyện: Tổng chi 30 triệu đồng/năm, gồm: Chi cho công tác phí; xăng xe đi kiểm tra; chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu; sửa chữa tài sản.

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp xã: Tổng chi 04 triệu đồng/năm, gồm: Chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm; các chi phí cho công tác kiểm tra, đôn đốc huy động ra lớp.

c) Chi phụ cấp cho người làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục:

* Số lượng cán bộ chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 05 người (cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Cấp huyện: Phòng Giáo dục và Đào tạo 03 người; các trường mầm non, tiểu học và THCS mỗi trường 01 người, đối với trường có nhiều cấp học thì mỗi cấp học 01 người

- Cấp xã: 01 người/xã, phường, thị trấn.

* Mức phụ cấp:

- Cán bộ chuyên trách thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo: Hệ số 0,2 x mức lương cơ sở/tháng.

- Cán bộ chuyên trách các xã khu vực III, các trường học trên địa bàn khu vực III: Hệ số 0,25 x mức lương cơ sở/tháng.

- Cán bộ chuyên trách các xã, phường, thị trấn, các trường học trên địa bàn còn lại: Hệ số 0,15 x mức lương cơ sở/tháng.

- Thời gian hưởng: 12 tháng/năm.

3. Chi trả thù lao cho giáo viên dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục:

a) Đối với giáo viên biên chế ngành giáo dục, mức chi thù lao tính theo số giờ thực dạy vượt mức giờ chuẩn và được thanh toán trả lương làm thêm giờ theo quy định hiện hành (Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập).

b) Đối với những người ngoài biên chế ngành giáo dục, nếu có đủ tiêu chuẩn và năng lực giảng dạy, tình nguyện tham gia dạy các lớp xóa mù chữ và phổ cập giáo dục thì thực hiện ký hợp đồng với đơn vị được giao tổ chức mở lớp, mức chi thù lao theo hợp đồng tương đương với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học (theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

Điều 22. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương./.

Chương IV
MỘT SỐ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Điều 23. Chính sách hỗ trợ nấu ăn cho trẻ mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng: Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ: Tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú tối thiểu 2.400.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên hoặc các cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm cả các điểm trường) có từ 20 trẻ em đến dưới 45 trẻ em được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng.

3. Thời gian hỗ trợ: Không quá 9 tháng/năm học.

4. Nguyên tắc hỗ trợ: Mức hỗ trợ nêu trên là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách. Tùy khả năng cân đối nguồn kinh phí tự chủ được giao cho đơn vị, các cơ sở giáo dục có thể bổ sung thêm mức hỗ trợ để đảm bảo hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

1. Đối tượng hưởng chính sách: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

2. Mức hỗ trợ: Trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ là 20 (hai mươi) triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

Điều 25. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

1. Đối tượng hưởng chính sách: Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

2. Mức hỗ trợ: 160.000 đồng/trẻ/tháng.

3. Thời gian hỗ trợ theo số tháng học thực tế, không quá 9 tháng/năm học.

Điều 26. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

1. Đối tượng hưởng chính sách: Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau:

a) Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định.

b) Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục.

c) Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

2. Mức hỗ trợ

a) Giáo viên mầm non bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 chương này được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (tám trăm ngàn đồng một tháng).

b) Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

3. Thời gian hỗ trợ

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 27. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Đặng Xuân Phong